

[illegible]

ST T	Tên đơn vị	Dự toán								Quyết toán										So sánh (%)					
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
															Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên								
41	Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 10	-								139.045	139.045					-									
42	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 11	-								65.560	65.560					-									
43	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 12	-								425.864	425.864					-									
44	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng công trình Quận 2	-								672.122	672.122					-									
45	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 3	-								14.289	14.289					-									
46	Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng Công Trình Quận 4	-								123.214	123.214					-									
47	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình quận 6	-								65.839	65.839					-									
48	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 7	-								282.173	282.173					-									
49	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận 8	-								400.167	400.167					-									
50	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 9	-								363.983	363.983					-									
51	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận Bình Tân	-								283.790	283.790					-									
52	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình quận Bình Thạnh	-								303.245	303.245					-									
53	Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình quận Gò Vấp	-								66.937	66.937					-									
54	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Quận Phù Nhuận	-								130.321	130.321					-									
55	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình quận Tân Bình	-								70.796	70.796					-									
56	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Công trình Quận Tân Phú	-								236.036	236.036					-									
57	Ban Quản Lý Đầu tư Xây dựng công trình quận Thủ Đức	-								248.056	248.056					-									
58	Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Sở Lao động Thương binh và Xã hội	-								511.418	511.418					-									
59	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Sở Văn hóa và Thể thao	-								51.146	51.146					-									

ST T	Tên đơn vị	Dư toán									Ongt toán										So sánh (%)				
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
															Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên								
60	Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình Trung tâm Điều hành Chương trình Chống ngập nước TP.HCM	-								32.291	32.291					-									
61	Ban quản lý Đầu tư Xây dựng Khu Đô thị mới Nam TP.HCM	9.816		9.816						12.032	3.127	8.905				-									
62	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	11.668		11.668						10.087		10.087													
63	Ban Quản lý đầu tư xây dựng Khu đô thị Tây Bắc	7.774		7.774						21.195	15.113	6.082				-									
64	Ban Quản lý dự án 1547	21.500			21.500					13.456						13.456	13.456								
65	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn TP	-								7.218	7.218					-									
66	Ban Quản lý Dự án Quy hoạch Xây dựng	-								2.038	2.038					-									
67	Ban quản lý đường sắt đô thị	2.269.534		332	2.269.202					2.325.584	268.309	38				2.057.237	2.057.237								
68	Ban quản lý Khu công nghệ cao TP.HCM	86.698		86.698						62.231	1.629	60.602				-									
69	Ban quản lý Khu công viên Lịch sử - Văn hoá dân tộc	29.671		29.671						183.534	154.259	29.275				-									
70	Ban quản lý Khu nông nghiệp Công nghệ cao TP. HCM	103.650		103.650						79.982	928	79.054				-									
71	Ban quản lý rừng phòng hộ Cần Giờ	-								12.229	12.229					-									
72	Ban Quản lý Xây dựng Trung tâm Triển Lãm Quy Hoạch Thành phố	-								48.615	48.615					-									
73	Ban Tiếp công dân Thành phố	-								265	265					-									
74	Bảo điện tử Đảng cộng sản Việt Nam	-								1.200		1.200													
75	Bảo hiểm xã hội Tp.HCM	47.975		47.975						37.473		37.473													
76	Bảo Khoa học phổ thông	-								128	128					-									
77	Bảo Nhân dân	10.000		10.000						-		-				-									
78	Bảo quân đội nhân dân	-								2.380		2.380													
79	Bảo tàng Hồ Chí Minh	-								10.608	10.608					-									
80	Bệnh viện An Bình	-								54	54					-									
81	Bệnh viện Đa khoa Sài Gòn	-								3.229	3.229					-									
82	Bệnh viện Da liễu	-								1.341	1.341					-									
83	Bệnh viện Hùng Vương	-								31.867	31.867					-									
84	Bệnh viện Nguyễn Trãi	-								4.156	4.156					-									
85	Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	-								4.914	4.914					-									
86	Bệnh viện Nhân ái	-								3.573	3.573					-									
87	Bệnh viện Nhân dân 115	-								109.280	109.280					-									

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Dự toán					Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Quyết toán			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	So sánh (%)				
					Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới						Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương										
															Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên								
161	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi	456		456					7.343		7.343														
162	Hội Bảo Trợ Trẻ Em Thành phố Hồ Chí Minh	-		-					682		682														
163	Hội Chữ thập đỏ TP.HCM	3.689		3.689					4.732	755	3.977														
164	Hội Cựu Chiến binh Tp.HCM	6.443		6.443					6.309		6.309														
165	Hội Cựu Thanh niên xung phong TP	581		581					508		508														
166	Hội Điện ảnh	2.673		2.673					2.716		2.716														
167	Hội đồng Xử lý vàng bạc	130		130					130		130														
168	Hội Đồng y	690		690					676		676														
169	Hội Dược học	68		68					68		68														
170	Hội Khoa học Kỹ thuật Lâm Nghiệp TP.HCM	-		-					168		168														
171	Hội Khoa học, Kỹ thuật và Xây dựng	218		218					213		213														
172	Hội Khuyến học	857		857					857		857														
173	Hội Kiến trúc sư	1.977		1.977					1.710		1.710														
174	Hội Lâm vườn và Trang trại	258		258					256		256														
175	Hội Liên hiệp Phụ nữ Tp.HCM	22.092		22.092					19.107		19.107														
176	Hội Luật gia	1.755		1.755					955		955														
177	Hội Mỹ thuật	2.936		2.936					2.586		2.586														
178	Hội Nạn nhân Chất độc Da cam Dioxin	509		509					548		548														
179	Hội Nghệ sĩ múa	3.032		3.032					1.935		1.935														
180	Hội Người mù	4.120		4.120					3.644		3.644														
181	Hội Nhà báo	1.489		1.489					2.535		2.215														
182	Hội Nhà văn	2.442		2.442					2.322		2.322														
183	Hội Nhiếp ảnh	1.855		1.855					1.780		1.780														
184	Hội Nông dân Tp.HCM	17.456		17.456					14.303		14.303														
185	Hội Phụ nữ từ thiện Thành phố	-		-					324		324														
186	Hội Sân khấu	3.527		3.527					3.938		3.938														
187	Hội Sinh vật cảnh	237		237					244		244														
188	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số	1.592		1.592					1.143		1.143														
189	Hội Y học	313		313					302		302														
190	Kho bạc Nhà nước TP	-		-					552		552														
191	Khu di tích lịch sử Địa Đạo Củ Chi	-		-					110.355	110.355															
192	Khu Quản lý Đường Thủy nội địa	-		-					412.334	412.334															
193	Khu Quản lý giao thông đô thị số 02	-		-					1.149.683	1.149.683															
194	Khu Quản lý giao thông đô thị số 03	-		-					898.633	898.633															
195	Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	-		-					495.927	495.927															
196	Khu Quản Lý Giao Thông Đô Thị Số 4	-		-					301.396	301.396															
197	Kiểm toán Nhà nước Khu vực 4	900		900					1.108		1.108														

ST T	Tên đơn vị	Dự toán								Quỹết toán												So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thườn guyên		
															Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên								
198	Kinh phí dự phòng tại các lĩnh vực	472.194		472.194																					
199	Kinh phí quy hoạch	150.000		150.000					50.898		50.898														
200	Liên đoàn Bóng đá Thành phố Hồ Chí Minh	-		-					156		156														
201	Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật TP	8.717		8.717					5.259	509	4.750				-										
202	Liên hiệp các hội Văn học nghệ thuật	13.014		13.014					12.541		12.541														
203	Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị	6.500		6.500					6.671		6.671														
204	Liên minh Hợp tác xã	5.017		5.017					3.692		3.692														
205	Lực lượng Thanh niên xung phong Thành phố Hồ Chí Minh	342.840		342.840					315.008	30.496					-										
206	Ngân hàng Chính sách xã hội Tp.HCM	60.000		60.000					130.000		130.000														
207	Nhà hát nghệ thuật Phương Nam	-							340	340					-										
208	Quận ủy Quận 1	-							120	120					-										
209	Quỹ bảo trì đường bộ	-							214.802						214.802		214.802								
210	Quỹ đầu tư mạo hiểm CNC9	-							107.771	107.771					-										
211	Quỹ hỗ trợ Công nhân Thành phố Hồ Chí Minh	-		-					34				34												
212	Quỹ hỗ trợ Cựu chiến binh nghèo Thành phố Hồ Chí Minh	-		-					2.706		2.706														
213	Quỹ hỗ trợ vốn cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (Quỹ CEP)	-		-					6.245		6.245														
214	Sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy	37.550		37.550					524.989	485.688	39.301				-										
215	Sở công thương	177.548		177.548					153.296	1.084	152.212				-										
216	Sở Du lịch	48.577		48.577					48.267		48.267														
217	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.857.764		1.857.764					1.686.665		1.686.665														
218	Sở giao thông vận tải	3.146.803		3.146.803					3.098.601	6.332	3.092.269				-										
219	Sở Kế hoạch và đầu tư	49.276		49.276					87.795	47.366	40.429				-										
220	Sở Khoa học và Công nghệ	296.010		296.010					248.393		248.393				-										
221	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.135.766		1.135.766					1.056.324		1.043.543				12.781		12.781								
222	Sở Ngoại vụ	20.250		20.250					26.401		26.401				-										
223	Sở Nội Vụ	211.171		211.171					235.194	20.522	214.672				-										
224	Sở nông nghiệp & phát triển nông thôn	501.503		440.503	61.000				335.909	557	286.356				48.996		48.996								
225	Sở Quy hoạch kiến trúc Thành phố HCM	31.947		31.947					34.124	7.944	26.180				-										
226	Sở Tài chính	39.411		39.411					37.372		37.372														
227	Sở Tài nguyên và Môi trường	2.164.606		2.164.606					2.083.461	3.066	2.079.829				566		566								
228	Sở Thông tin truyền thông	230.047		230.047					207.194	323	206.871				-										
229	Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh	30.793		30.793					49.402	23.345	26.057				-										
230	Sở Văn hóa và Thể thao	708.400		708.400					751.611	15	751.596				-										
231	Sở Xây dựng	202.030		202.030					180.823		180.823														

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Tên đơn vị	Dư toán								Quyết toán								So sánh (%)						
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương	Chi trả nợ lãi chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	Chi nộp ngân sách cấp trên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
															Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên							
307	Vũ Thị Hồng Nhung	-							25		25													
308	Xi nghiệp Cấp nước sinh hoạt nông thôn TPHCM	-							40.701	40.701														
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY	1.511.625				1.511.625			1.131.932			1.131.932												
III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	11.400					11.400		11.400				11.400											
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.867.320						1.867.320	-															
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-							-															
VI	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-							23.306.498							23.306.498								
VII	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	11.836.843						11.836.843	15.219.530								15.219.530							
VII I	CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-							37.426										37.426					